

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204, đường Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303207317 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 7 ngày 14/02/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 14/02/2023 là 29.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETTRONICS BINH HOA JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIETTRONICS BINH HOA (VBH).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán VBH.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 204 đường Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên
Ông Lê Đăng Ánh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/4/2025)
Ông Lê Thanh Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/4/2025)
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/4/2025)
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204, đường Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hà Hữu Quang

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Số: 74/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa được lập ngày 28/02/2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 20/02/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		31.944.956.480	26.401.710.270
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.665.528.542	10.668.489.244
1. Tiền	111		12.165.528.542	7.563.157.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	3.105.332.059
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.900.000.000	8.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	11.900.000.000	8.300.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.696.600.987	6.970.593.072
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.175.791.208	6.489.996.471
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	4.200.000.000	4.200.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.812.256.403	6.774.203.225
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(10.491.446.624)	(10.493.606.624)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	187.125.999	160.711.335
1. Hàng tồn kho	141		187.125.999	160.711.335
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		495.700.952	301.916.619
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	23.293.820	261.916.619
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	472.407.132	40.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.622.800.707	2.181.159.166
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.144.650.651	1.341.877.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.116.625.389	1.295.168.442
- Nguyên giá	222		19.743.625.483	19.980.477.518
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.627.000.094)	(18.685.309.076)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	28.025.262	46.708.758
- Nguyên giá	228		201.853.607	201.853.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.828.345)	(155.144.849)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
1. Nguyên giá	231	5.10	6.211.957.943	6.211.957.943
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.211.957.943)	(6.211.957.943)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	510.000.000	510.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(510.000.000)	(510.000.000)
VI Tài sản dài hạn khác	260		478.150.056	839.281.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	478.150.056	839.281.966
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		33.567.757.187	28.582.869.436

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.156.179.172	2.398.064.925
I- Nợ ngắn hạn	310		2.372.579.172	1.614.464.925
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.500.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.467.280	99.916.775
3. Phải trả người lao động	314		737.874.400	215.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	90.909.342	87.500.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.525.828.150	1.212.048.150
II- Nợ dài hạn	330		783.600.000	783.600.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	783.600.000	783.600.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		30.411.578.015	26.184.804.511
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	30.411.578.015	26.184.804.511
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(898.821.725)	(5.125.595.229)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.125.595.229)	(6.148.433.031)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.226.773.504	1.022.837.802
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		33.567.757.187	28.582.869.436

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Kiều Oanh



Trần Thị Kiều Oanh



Hà Hữu Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34.001.826.126	32.270.030.212
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	34.001.826.126	32.270.030.212
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	18.836.810.722	17.950.626.591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.165.015.404	14.319.403.621
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	726.302.050	885.773.586
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.318.444	53.964.219
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	616.248.535	612.311.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.959.541.367	13.246.329.128
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		5.311.209.108	1.292.572.025
11. Thu nhập khác	31	6.6	8.181.818	10.000.000
12. Chi phí khác	32	6.6	18.000.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(9.818.182)	10.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.301.390.926	1.302.572.025
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.074.617.422	279.734.223
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.226.773.504	1.022.837.802
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.458	353

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Kiều Oanh

Trần Thị Kiều Oanh

Hà Hữu Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.301.390.926	1.302.572.025
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		197.226.549	207.623.198
- Các khoản dự phòng	03		(2.160.000)	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(71.303.814)	(45.100.908)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(532.994.832)	(584.239.174)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.892.158.829	880.855.141
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(156.255.047)	889.706.683
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.414.664)	38.098.581
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.142.144.028	(1.251.358.168)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		599.754.709	(750.899.318)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.461.192.613)	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.990.195.242	(793.597.081)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		8.181.818	10.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.100.000.000)	(12.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.500.000.000	7.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		524.813.014	574.239.174
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.067.005.168)	(4.115.760.826)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.923.190.074	(4.909.357.907)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.668.489.244	15.537.503.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		73.849.224	40.343.885
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	12.665.528.542	10.668.489.244

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập



Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303207317 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/03/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 7 ngày 14/02/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 14/02/2023 là 29.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETTRONICS BINH HOA JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIETTRONICS BINH HOA (VBH).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 204 đường Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán VBH.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 122 người (tại 31/12/2024 là 141 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là:

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết.
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Thiết kế, sản xuất các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử.
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Thiết kế, chế tạo, sản xuất thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh. (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản).
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, bảo trì hệ thống âm thanh, ánh sáng.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán văn phòng phẩm.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán nước uống tinh khiết. Mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử. Mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh. Mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, bảo trì mạng tin học.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là gia công linh kiện, cụm linh kiện điện tử và khai thác cho thuê mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có Công ty liên kết như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	204 Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Gia công sản xuất các linh kiện điện tử	30,02%	30,02%	30,02%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán có thời gian khấu hao là 03 năm. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Đ. N
C
T
KIẾ
PA
/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty (gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí giao thầu phụ, chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, vật tư và doanh thu cho thuê nhà xưởng, dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu là chi phí lãi vay.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	364.703.883	682.739.747
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.800.824.659	6.880.417.438
Các khoản tương đương tiền (i)	500.000.000	3.105.332.059
Tổng	12.665.528.542	10.668.489.244

(i) Hợp đồng tiền gửi tại các Ngân hàng không quá 03 tháng với lãi suất 3,5% đến 4,75%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	11.900.000.000	11.900.000.000	8.300.000.000	8.300.000.000
Tổng	11.900.000.000	11.900.000.000	8.300.000.000	8.300.000.000

(i) Hợp đồng tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,5% - 5,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tohozince Co., LTD	730.213.423	793.816.698
Công ty TNHH Kiến Quang (i)	2.671.677.540	2.671.677.540
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1 (i)	668.107.020	668.107.020
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (i)	273.131.651	273.131.651
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long (i)	97.369.095	97.369.095
Ông Huỳnh Anh Hiệp (i)	61.972.800	64.132.800
Công ty TNHH Fitness SQ Brothers	1.397.987.095	1.555.161.250
Các đối tượng khác	275.332.584	366.600.417
Tổng	6.175.791.208	6.489.996.471

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

273.131.651

273.131.651

- (i) Các đối tượng này đã quá hạn thanh toán Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 5.6)

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	4.200.000.000	4.200.000.000
Tổng	4.200.000.000	4.200.000.000

Đây là khoản phải thu về cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2024/HDVV/VBH-VVPC và các phụ lục kèm theo ký với Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc có các điều khoản như sau:

- Số tiền vay: 4.200.000.000 VND.

- Mục đích: Mua tài sản là nhà xưởng và công trình xây dựng trên đất tại KCN Bình Xuyên 2, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Lãi suất: 4,5%/năm.

- Thời hạn vay: Từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/03/2024 và được gia hạn thời gian vay theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 05/NQ/VBH-HĐQT ngày 04/7/2025 từ ngày 28/06/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

- Phương thức đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay theo hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒASố 204, đường Nơ Trang Long,
phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long (i)	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
Công ty TNHH Kiến Quang (i)	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco (ii)	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)
Các khoản khác	93.067.885	-	55.014.707	-
Tổng	6.812.256.403	(6.719.188.518)	6.774.203.225	(6.719.188.518)
<i>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</i>	<i>1.949.158.918</i>	<i>(1.949.158.918)</i>	<i>1.949.158.918</i>	<i>(1.949.158.918)</i>

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

(i) Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện.

(ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco gồm khoản ứng trước 446.500.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, hợp đồng hợp tác đã ngừng triển khai và khoản phải thu lãi chậm trả là 1.502.658.918 đồng.

5.6 Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2025 (VND)			Tại ngày 01/01/2025 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		3.772.258.106	(3.772.258.106)		3.774.418.106	(3.774.418.106)	-
Công ty TNHH Kiến Quang	Trên 3 năm	2.671.677.540	(2.671.677.540)	Trên 3 năm	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	Trên 3 năm	668.107.020	(668.107.020)	Trên 3 năm	668.107.020	(668.107.020)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Trên 3 năm	273.131.651	(273.131.651)	Trên 3 năm	273.131.651	(273.131.651)	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	Trên 3 năm	97.369.095	(97.369.095)	Trên 3 năm	97.369.095	(97.369.095)	-
Ông Huỳnh Anh Hiệp	Trên 3 năm	61.972.800	(61.972.800)	Trên 3 năm	64.132.800	(64.132.800)	-
Phải thu ngắn hạn khác		6.719.188.518	(6.719.188.518)		6.719.188.518	(6.719.188.518)	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	Trên 3 năm	2.570.029.600	(2.570.029.600)	Trên 3 năm	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-
Công ty TNHH Kiến Quang	Trên 3 năm	2.200.000.000	(2.200.000.000)	Trên 3 năm	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	Trên 3 năm	1.949.158.918	(1.949.158.918)	Trên 3 năm	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-
Tổng		10.491.446.624	(10.491.446.624)		10.493.606.624	(10.493.606.624)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204, đường Nơ Trang Long,
phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	73.401.522	-	71.435.353	-
Công cụ dụng cụ	113.724.477	-	89.275.982	-
Tổng	187.125.999	-	160.711.335	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	16.566.587.624	90.289.040	2.649.496.854	189.354.000	484.750.000	19.980.477.518
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(236.852.035)	-	-	(236.852.035)
Thanh lý	-	-	(236.852.035)	-	-	(236.852.035)
Số dư tại ngày 31/12/2025	16.566.587.624	90.289.040	2.412.644.819	189.354.000	484.750.000	19.743.625.483
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	16.566.587.624	90.289.040	1.714.431.088	188.414.895	125.586.429	18.685.309.076
Tăng trong năm	-	-	117.007.800	939.105	60.596.148	178.543.053
Khấu hao trong năm	-	-	117.007.800	939.105	60.596.148	178.543.053
Giảm trong năm	-	-	(236.852.035)	-	-	(236.852.035)
Thanh lý	-	-	(236.852.035)	-	-	(236.852.035)
Số dư tại ngày 31/12/2025	16.566.587.624	90.289.040	1.594.586.853	189.354.000	186.182.577	18.627.000.094
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	-	-	935.065.766	939.105	359.163.571	1.295.168.442
Tại ngày 31/12/2025	-	-	818.057.966	-	298.567.423	1.116.625.389

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 18.008.611.847 VND (tại ngày 31/12/2024 là 18.245.463.882 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	201.853.607	201.853.607
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>201.853.607</u>	<u>201.853.607</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	155.144.849	155.144.849
Tăng trong năm	18.683.496	18.683.496
Khấu hao trong năm	18.683.496	18.683.496
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>173.828.345</u>	<u>173.828.345</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	<u>46.708.758</u>	<u>46.708.758</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>28.025.262</u>	<u>28.025.262</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 108.436.107 VND (tại ngày 31/12/2024 là: 108.436.107 VND).

5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

	<u>Nhà xưởng cho thuê</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư 01/01/2025	6.211.957.943	6.211.957.943
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>6.211.957.943</u>	<u>6.211.957.943</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư 01/01/2025	6.211.957.943	6.211.957.943
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>6.211.957.943</u>	<u>6.211.957.943</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>-</u>	<u>-</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là nhà xưởng cho thuê là 1020m² tại Lô IV/3 KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nay là Lô IV/3 KCN Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 321.818.184 VND và 282.412.971 VND.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 6.211.957.943 VND (tại ngày 31/12/2024: 6.211.957.943 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	23.293.820	261.916.619
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.000.000	22.674.997
Chi phí sửa chữa	6.293.820	174.752.089
Chi phí khác	12.000.000	64.489.533
Dài hạn	478.150.056	839.281.966
Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.472.448	167.965.112
Chi phí sửa chữa tài sản	392.379.825	518.072.406
Chi phí khác	61.297.783	153.244.448
Tổng	501.443.876	1.101.198.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒASố 204, đường Nơ Trang Long,
phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Đầu tư vào Công ty liên kết

Đối tượng đầu tư	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>		<i>510.000.000</i>	<i>(510.000.000)</i>		<i>510.000.000</i>	<i>(510.000.000)</i>	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (i)	30,02%	510.000.000	(510.000.000)	(ii)	510.000.000	(510.000.000)	(ii)
Cộng		510.000.000	(510.000.000)		510.000.000	(510.000.000)	

(i) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11/9/2002 và thay đổi lần thứ ba ngày 20/8/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30,02% trên vốn thực góp. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh và lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

(ii) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒASố 204, đường Nơ Trang Long,
phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Phải nộp	99.916.775	6.001.258.678	6.093.708.173	7.467.280
Thuế GTGT phải nộp	38.964.212	2.164.760.062	2.196.256.994	7.467.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.952.563	1.074.617.422	1.135.569.985	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.716.720	11.716.720	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.746.164.474	2.746.164.474	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	40.000.000	40.000.000	472.407.132	472.407.132
Thuế thu nhập cá nhân	40.000.000	40.000.000	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	164.430.015	164.430.015
Tiền sử dụng đất	-	-	307.977.117	307.977.117

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước tiền điện	90.909.342	87.500.000
Tổng	90.909.342	87.500.000

5.15 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	1.525.828.150	1.212.048.150
Nhận ký quỹ, ký cược	1.525.828.150	1.212.048.150
b) Dài hạn	783.600.000	783.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược	783.600.000	783.600.000
Tổng	2.309.428.150	1.995.648.150

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	29.000.000.000	2.310.399.740	(6.148.433.031)	25.161.966.709
Lãi trong năm trước	-	-	1.022.837.802	1.022.837.802
Số dư tại ngày 31/12/2024	29.000.000.000	2.310.399.740	(5.125.595.229)	26.184.804.511
Số dư tại ngày 01/01/2025	29.000.000.000	2.310.399.740	(5.125.595.229)	26.184.804.511
Lãi trong năm nay	-	-	4.226.773.504	4.226.773.504
Số dư tại ngày 31/12/2025	29.000.000.000	2.310.399.740	(898.821.725)	30.411.578.015

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Cổ đông		
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	14.790.000.000	14.790.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	7.911.000.000	7.911.000.000
Cổ đông cá nhân và tổ chức khác	6.299.000.000	6.299.000.000
Tổng	29.000.000.000	29.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	29.000.000.000	29.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	29.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.310.399.740	2.310.399.740
Tổng	2.310.399.740	2.310.399.740

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	223.440,39	86.872,92
Tương đương VND (VND)	5.819.951.838	2.193.628.103
Nợ khó đòi đã xử lý		
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.500	30.303.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	11.739.100.074	12.834.086.532
Doanh thu bán vật tư	300.847.030	315.165.315
Doanh thu khác	21.961.879.022	19.120.778.365
Tổng	34.001.826.126	32.270.030.212

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm	13.488.847.673	13.549.556.933
Giá vốn bán vật tư	82.536.998	94.660.434
Giá vốn kinh doanh khác	5.265.426.051	4.306.409.224
Tổng	18.836.810.722	17.950.626.591

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	524.813.014	574.239.174
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	130.185.222	266.433.504
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.303.814	45.100.908
Tổng	726.302.050	885.773.586

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.318.444	53.964.219
Tổng	4.318.444	53.964.219

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	616.248.535	612.311.835
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	573.498.535	523.476.715
Chi phí xuất hàng	15.000.000	57.675.120
Chi phí xuất hàng	27.750.000	31.160.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.959.541.367	13.246.329.128
Chi phí nhân viên quản lý	5.129.396.702	4.705.259.939
Chi phí vật liệu quản lý	77.526.635	49.134.225
Chi phí đồ dùng văn phòng	451.243.389	488.760.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	136.632.801	147.029.450
Thuế phí và lệ phí	707.461.998	4.804.409.244
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.160.000)	-
Chi phí bằng tiền khác	3.459.439.842	3.051.735.762
Tổng	10.575.789.902	13.858.640.963

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, phế liệu	8.181.818	10.000.000
Tổng	8.181.818	10.000.000
Chi phí khác		
Các khoản khác	18.000.000	-
Tổng	18.000.000	-
Lợi nhuận khác	(9.818.182)	10.000.000

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.111.500.879	1.054.049.814
Chi phí nhân công	15.085.633.286	14.375.502.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.226.549	207.623.198
Hoàn nhập dự phòng	(2.160.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.404.179.817	10.297.730.744
Chi phí bằng tiền khác	5.616.220.093	7.840.439.891
Tổng	29.412.600.624	33.775.346.229

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.301.390.926	1.302.572.025
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	143.000.000	141.200.000
<i>Tiền lương và phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>125.000.000</i>	<i>132.000.000</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>18.000.000</i>	<i>9.200.000</i>
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	71.303.814	45.100.908
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>71.303.814</i>	<i>45.100.908</i>
Thu nhập chịu thuế	5.373.087.112	1.398.671.117
Thu nhập tính thuế	5.373.087.112	1.398.671.117
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.074.617.422	279.734.223

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.226.773.504	1.022.837.802
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	4.226.773.504	1.022.837.802
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.458	353

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác của Công ty cùng người thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Nguyên Thành viên HĐQT	8.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Nguyên Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Dương Trung Dũng	Nguyên Thành viên HĐQT	8.000.000	24.000.000
Ông Lê Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	16.000.000	-
Ông Lê Đăng Ánh	Thành viên HĐQT	16.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT	16.000.000	-
Tổng		124.000.000	132.000.000

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Tổng		60.000.000	60.000.000

Tiền lương của Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc	461.842.000	324.032.800
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc	331.175.000	214.370.000
Tổng		793.017.000	538.402.800

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	273.131.651	273.131.651
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	273.131.651
Phải thu khác	1.949.158.918	1.949.158.918
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	1.949.158.918

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập



Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

